

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

A. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN/GÓI THẦU:

- + Tên gói thầu: Mua sắm vật tư nhỏ lẻ phục vụ sản xuất;
- + Giá dự toán gói thầu: 648.048.500 đồng (bao gồm 10% thuế VAT)
- + Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2025;
- + Thời gian thực hiện gói thầu: 30 ngày.

B. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT:

Mục 1: Phạm vi, tiến độ cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan

STT	Danh mục vật tư thiết bị	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
1	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 2x2.5 mm ²	Mét	2000	
2	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 2x4 mm ²	Mét	1000	
3	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 4x2.5 mm ²	Mét	1000	
4	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 4x4 mm ²	Mét	500	
5	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 7x1.5 mm ²	Mét	500	
6	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 9x1.5 mm ²	Mét	1000	
7	Cáp nhĩ thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 12x1.5 mm ²	Mét	500	
8	Cáp đồng trần nhiều sợi 50 mm ²	Mét	200	
9	Cáp đồng trần nhiều sợi 120 mm ²	Mét	200	
10	Cáp đồng bọc nhiều sợi 50 mm ²	Mét	200	
11	Cáp đồng bọc nhiều sợi 120 mm ²	Mét	200	
12	Đầu cosse đồng phù hợp cỡ dây 50 mm ²	Cái	100	
13	Đầu cosse đồng phù hợp cỡ dây 120 mm ²	Cái	100	

2. Tiến độ cung cấp hàng hóa và các dịch vụ liên quan:

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

STT	Danh mục hàng hóa và dịch vụ liên quan	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Tiến độ cung cấp ⁽¹⁾	Địa điểm cung cấp
1	Gói thầu: Mua sắm vật tư nhỏ lẻ phục vụ sản xuất	Toàn bộ	1	30 ngày	Kho vật Tư - Công ty Truyền tải điện 4, đường 17A, KCN Biên Hòa 2, phường Trảng Biên – Tỉnh Đồng Nai

Mục 2. Yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật:

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

1. Cấp nhai thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 7x1.5 mm² (mục: 5)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U ₀ /U	≥ 0.6/1 kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5kV	
04	Số lượng	500 mét	
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	7	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	1.5 mm ²	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,52mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện	0.7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 12,1 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Băng đồng chống nhiễu	Yêu cầu	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	

19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
21	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

2. Cáp nhự thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 9x1.5 mm² (mục: 6)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U ₀ /U	≥ 0.6/1 kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5kV	
04	Số lượng	1000 mét	
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	9	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	1.5 mm ²	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,52mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện	0.7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 12,1 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Băng đồng chống nhiễu	Yêu cầu	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cáp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
21	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

3. Cáp nhự thứ ruột đồng nhiều sợi, chống nhiễu loại 12x1.5 mm² (mục: 7)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U ₀ /U	≥ 0.6/1 kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5kV	
04	Số lượng	500 mét	

05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	12	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	1.5 mm ²	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,52mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện tối thiểu	0.7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 12,1 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Bảng đồng chống nhiễu	Yêu cầu	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
21	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

4. Cáp nhũ thứ ruột đồng nhiều sợi 4x4mm² (mục: 4)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U ₀ /U	≥ 0.6/1 kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5kV	
04	Số lượng	500 mét	
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	04	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	4 mm ²	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,85mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện	0,7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 4,61 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Bảng đồng chống nhiễu	Yêu cầu	

14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
20	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

5. Cáp nhự thứ ruộđồng nhiều sớ 2x4mm² (mục: 2)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U ₀ /U	≥ 0.6/1 kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5kV	
04	Số lượng	1000 mét	
05	Vật liệu ruộđẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruộđẫn	02	
	Tiết diện 1 ruộđẫn	4 mm ²	
	số sớ/đườđ kính sớ của 01 ruộđ	7/0,85mm	
	Đườđ kính ruộđ dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruộđ dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện	0,7mm	
09	Đườđ kính tồđ (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 4,61 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Băng đờđ chống nhiều	Yêu cầu	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởđ	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nướđ sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
20	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đườđ	Yêu cầu	

6. Cáp nhự thứ ruộđồng nhiều sớ 2x2.5mm² (mục: 1)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U_0/U	$\geq 0.6/1$ kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5 kV	
04	Số lượng	2000 mét	
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	2	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	2.5 mm^2	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,67mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	
08	Chiều dày cách điện	0,7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20°C	$\leq 7,41 \Omega/\text{km}$	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	$\geq 90^\circ\text{C}$	
13	Bảng đồng chống nhiễu	Yêu cầu	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
20	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

7. Cáp nhũ thứ ruột đồng nhiều sợi 4x2.5mm² (mục: 3)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đáp ứng
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	
02	Điện áp U_0/U	$\geq 0.6/1$ kV	
03	Điện áp thử nghiệm 5 phút	≥ 3.5 kV	
04	Số lượng	1000 mét	
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng ủ mềm (class 2)	
06	Cách điện	PVC hoặc XLPE	
07	Kết cấu dây:		
	Số ruột dẫn	04	
	Tiết diện 1 ruột dẫn	2.5 mm^2	
	số sợi/đường kính sợi của 01 ruột	7/0,67mm	
	Đường kính ruột dẫn (mm)	Nêu rõ	
	Vỏ từng ruột dẫn có đánh số để nhận biết	Yêu cầu	

08	Chiều dày cách điện	0,7mm	
09	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	
10	Khối lượng dây (kg/km)	Nêu rõ	
11	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 7,41 Ω/km	
12	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 90 ⁰ C	
13	Bảng đồng chống nhiễu	Không	
14	Giáp bảo vệ	Không	
15	Cấp chống cháy đáp ứng IEC60332-1	Yêu cầu	
16	Tài liệu kỹ thuật	Tiếng Anh/Tiếng Việt	
17	Biên bản kiểm tra xuất Xưởng	Yêu cầu	
18	Nhà sản xuất	Nêu rõ	
19	Nước sản xuất	Nêu rõ	
20	Thông tin nhà sản xuất, thông số kỹ thuật được in dọc theo vỏ ngoài cáp	Yêu cầu	
20	Tiêu chuẩn sản xuất, thử nghiệm theo IEC 60502-1; IEC 60332; IEC 60227 hoặc tương đương	Yêu cầu	

8. Cáp đồng trần 120mm² (mục: 9)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
01	Mã sản phẩm	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
02	Tiết diện	120 mm ²	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
03	Số lượng	200m	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
04	Kết cấu dây: số sợi/đường kính sợi (Ruột dẫn tròn xoắn ép chặt)	19/2,8mm	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
06	Đường kính tổng (mm)	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
07	Khối lượng dây (kg/km)	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
08	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 0,153 Ω/km	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
09	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 70 ⁰ C	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
10	Tài liệu kỹ thuật:			
11	Biên bản kiểm tra xuất xưởng	02 bản gốc + 01 bản sao	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
12	Nhà sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
13	Nước sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

9. Cáp đồng bọc 120mm² (mục: 11)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
01	Mã sản phẩm	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

02	Tiết diện	120 mm ²	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
03	Số lượng	200m	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
04	Kết cấu dây: số sợi/đường kính sợi (Ruột dẫn tròn xoắn ép chặt)	19/2,8mm	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
06	Vật liệu vỏ cách điện	PVC màu Vàng - Xanh	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
07	Đường kính tổng (mm)	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
08	Khối lượng dây (kg/km)	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
09	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 0,153 Ω/km	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
10	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 70 ⁰ C	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
11	Tài liệu kỹ thuật:			
12	Biên bản kiểm tra xuất xưởng	02 bản gốc + 01 bản sao	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
13	Nhà sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
14	Nước sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

10. Đầu cosse ép cáp đồng 120mm² (mục: 13)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Mã sản phẩm	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
2	Số lượng	100 cái (mỗi đầu cosse kèm 01 bộ bu lông thép mạ kẽm phù hợp)	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
3	Loại	Ép dây đồng 120mm ² 01 lỗ bu lông Ø12mm	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
4	Đầu cosse có 01 lỗ bu lông Ø ≥14mm	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
5	Nhà sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
6	Nước sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

11. Dây đồng trần 50mm² (mục 8)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
02	Tiết diện ruột dẫn	50 mm ²	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
03	Số lượng	200 m	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
04	Kết cấu dây: số sợi/đường kính sợi (Ruột dẫn tròn xoắn ép chặt)	437/0.38	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
06	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
07	Trọng lượng dây (kg/m)	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

08	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 0,387 Ω/km	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
09	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 70 ⁰ C		
10	Tài liệu kỹ thuật		Như yêu cầu	Khác yêu cầu
11	Biên bản kiểm tra xuất xưởng	Yêu cầu	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
12	Nhà sản xuất	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
13	Nước sản xuất	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

12. Dây đồng bọc 50mm² (mục 10)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
01	Mã sản phẩm	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
02	Tiết diện ruột dẫn	50 mm ²	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
03	Số lượng	200 m	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
04	Kết cấu dây: số sợi/đường kính sợi (Ruột dẫn tròn xoắn ép chặt)	437/0.38	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
05	Vật liệu ruột dẫn	Đồng	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
06	Vật liệu vỏ cách điện	PVC màu Vàng-Xanh	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
07	Đường kính tổng (mm)	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
08	Trọng lượng dây (kg/m)	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
09	Điện trở một chiều ở 20 ⁰ C	≤ 0,387 Ω/km	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
10	Nhiệt độ làm việc dài hạn cho phép	≥ 70 ⁰ C		
11	Tài liệu kỹ thuật		Như yêu cầu	Khác yêu cầu
12	Biên bản kiểm tra xuất xưởng	Yêu cầu	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
13	Nhà sản xuất	Nêu rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu

13. Đầu cosse đồng phù hợp cỡ dây 50mm² (mục 12)

STT	Đặc tính	Yêu cầu	Đạt	Không đạt
1	Mã sản phẩm	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
2	Số lượng	100 cái (mỗi đầu cosse kèm 01 bộ bu lông thép mạ kẽm phù hợp)	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
3	Loại	Ép dây đồng 50mm ² , phù hợp dây đồng 50mm ²	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
4	Đầu cosse có 01 lỗ bu lông M14	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
5	Nhà sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu
6	Nước sản xuất	Xác định rõ	Như yêu cầu	Khác yêu cầu